

Bản án số: 19/2023/DS-PT

Ngày: 11/01/2023

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 328/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 361/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1956;

1.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Số 37/5 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị H, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: Số 165/5 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1978;

3.2. Ông Lê Thanh C, sinh năm 1979;

3.3. Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1985;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, ông C, ông H1: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Số 37/5 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3.4. Bà Lương Thị Hồng T, sinh năm 1979; (đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt)

Địa chỉ: Số 165/5 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

* **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H, ông Lê Thanh C, ông Lê Thanh H1 trình bày:

Nguyên trước đây bà và ông C có 02 thửa đất số 169, tờ bản đồ số 02, diện tích 300m², loại đất ONT và thửa 170, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.350m² loại đất CLN đã được Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17/01/2001. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001, hộ ông Lê Văn C gồm các nhân khẩu: Lê Văn C (chủ hộ), Nguyễn Thị H (vợ) và các con Lê Thanh H, Lê Thanh C, Lê Thanh H1, nguồn gốc đất này là của ông Lê Văn B và bà Lê Thị S là cha mẹ của ông C để lại cho ông C sử dụng từ năm 1978. Năm 2004 đo đạc lại chính quy (Vláp) 02 thửa đất trên được đổi lại thành thửa 70, tờ bản đồ 7, diện tích 1.245,8m² (loại đất ONT + CLN) tọa lạc ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Năm 2009, ông, bà đã chuyển nhượng một phần cho bà Lương Thị H diện tích 343,2m² đất CLN, phần đất chuyển nhượng này được tách ra thành thửa 237, tờ bản đồ 02 và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giáp ranh với thửa 70 của ông, bà, phía trước giáp hương lộ 24, phía bên trái giáp ranh với bà Phạm Thị Đ và bà Huỳnh Thị Ngọc M, phía sau đất giáp ranh với đất của ông Lê Văn C, khi đo đạc Vláp hai bên không có hiệp thương ranh.

Năm 2016, do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông, bà phải đi làm mướn ở Thành phố Hồ Chí Minh, lợi dụng lúc ông, bà không có ở nhà vào ngày 19/12/2016 bà H kê thợ xây nhà sau và làm hàng rào lấn qua đất của ông, bà có chiều ngang 0,3m, chiều dài 12m, diện tích lấn chiếm 3,6m². Phần đất lấn chiếm này nằm bên phải trong thửa 70, tờ bản đồ số 7 của ông, bà, khi đi làm về mới phát hiện ra sự việc này và có đến gặp bà H yêu cầu tháo dỡ phần xây cất lấn chiếm trái phép để trả lại đất cho ông, bà nhưng bà H không những không khắc phục mà còn chửi bới thách thức. Trước tình hình trên, ông, bà có gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã giải quyết nhưng không thành.

Tại tòa, bà và ông C yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Lương Thị H phải phá dỡ hàng rào B40 và bức tường nhà sau, cắt mái tole nhà sau lấn qua đất, nhổ trụ đá, đốn 01 cây dừa để giao trả cho ông, bà phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 11,4m² (ký hiệu 70A, 70B, 70C) và cắt mái tole nhà trước, di dời dây điện trả không gian trên đất thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ 7, tọa lạc ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (phía trước giáp hương lộ 21). Ông, bà không đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà H khi phá dỡ di dời công trình do bà H tự xây cất trên đất của ông, bà.

Còn việc bà Lương Thị H có yêu cầu phản tố để yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Văn C và bà phải trả lại phần đất có diện tích 8,4m² thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237B), tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (phần

đất giáp với huyện lộ 21) cho bà H thì ông C và bà không đồng ý trả đất, việc bà H sử dụng đất không hết ranh theo hồ sơ địa chính là do bà H, ông, bà không biết. Trên phần đất bà H tranh chấp không có tài sản gì của ông, bà nhưng có mái tole nhà trước của bà H (ông, bà có yêu cầu bà H cất mái tole nhà trước trả không gian trên đất thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ 7), đất hiện nay thì do bà và ông C đang quản lý, sử dụng.

Đối với phần đất có diện tích 25m² thuộc một phần thửa số 238 (ký hiệu 238 có 2 diện tích 5,8m²; 238A có diện tích 16,6m²; 238B có diện tích 2,6m²) do ông Lê Văn C đứng tên số mục kê, không đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất hiện nay không phải gia đình bà và ông C trực tiếp canh tác sử dụng, do đó bà và ông C xác định không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết phần đất này. Bà và ông C thống nhất với kết quả đo đạc, định giá không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Bà đã tạm nộp chi phí tố tụng là 3.007.000 đồng và tại phiên tòa hôm nay bà đồng ý nộp toàn bộ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Lương Thị H (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Thị Hồng T) trình bày:*

Vào ngày 21/12/2007, bà có mua 343m² đất trồng cây lâu năm của ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H với số tiền 66.000.000 đồng (có giấy mua bán và giao nhận tiền giữa bà và ông C, bà H). Bà đã giao đủ tiền cho phía ông C, bà H và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 237, tờ bản đồ 7, diện tích 343m² loại đất trồng cây lâu năm vào ngày 06/02/2009. Thửa đất này bà mua dùng để xây nhà ở, trong tờ mua bán ông C có hứa là cho bà phần đất còn thừa lại giáp ranh với đất bà Đồi. Sau đó do có công việc làm ăn xa, chị ruột bà là Lương Thị Hồng T có mua thêm 02 tấc (ngang 0,2m, dài 68m) của vợ chồng ông C, bà H, có giấy mua bán giữa ông C, bà H với bà T. Bà T đã cho bà sử dụng phần đất này và đã ủy quyền cho bà tham gia tố tụng trong vụ án này. Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất thì phần đất phía sau của bà thuộc thửa 237 giáp ranh với phần đất phía sau của ông C, bà H thuộc thửa 70 thì bà thừa nhận sau khi sử dụng đất do không xác định chính xác phần giáp ranh giữa thửa 70 với thửa 237 nên bà đã sử dụng lấn qua một phần đất của ông C, bà H có diện tích theo họa đồ hiện trạng là 11,4 m² (ký hiệu 70A, 70B, 70C) và phần đất này ông C, bà H yêu cầu bà phải phá dỡ hàng rào B40 và bức tường nhà sau, cất mái tole nhà sau lấn qua đất, nhổ trụ đá, đốn 01 cây dừa để giao trả cho ông, bà phần đất có diện tích 11,4m² (ký hiệu 70A, 70B, 70C) và tại phiên tòa, bà đồng ý sẽ tự nguyện tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản có trên phần đất này để giao trả đất cho ông C, bà H sử dụng và bà không yêu cầu ông C, bà H phải bồi thường thiệt hại khi bà tháo dỡ di dời tài sản.

Tại phiên tòa, bà vẫn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H trả lại phần đất cho bà sử dụng có diện tích theo đo đạc thực tế 8,4m² thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237B), tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (phần đất giáp với huyện lộ 21), trên đất có mái tole nhà trước của bà, không có tài sản gì của ông C, bà H nên không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, đất hiện nay do ông C, bà H đang quản lý, sử dụng.

Đối với phần đất có diện tích 6,4m² thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237D) bà chỉ chưa hết ranh địa chính nhưng do hiện nay không có ai tranh chấp với bà nên bà không yêu cầu xem xét; phần đất diện tích 25m² thuộc một phần thửa số 238 (ký hiệu 238, có diện tích 5,8m²; 238A có diện tích 16,6m²; 238B có diện tích 2,6m²) do ông C đứng tên sổ mục kê, không đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất hiện nay do bà trực tiếp canh tác, sử dụng, do ông C, bà H xác định không có tranh chấp nên bà cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phần đất này.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 26, 34, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 167, 170, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn Lương Thị H về việc yêu cầu buộc bà Lương Thị H phải phá dỡ hàng rào B40, bức tường nhà sau, cắt mái tole nhà sau lấn qua đất, nhổ trụ đá, đốn 01 cây dừa lấn qua đất của ông C, bà H, đo đạc thực tế có diện tích 11,4m² (ký hiệu 70A, 70B, 70C) thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận việc bị đơn Lương Thị H tự nguyện tháo dỡ, di dời hàng rào B40, bức tường nhà sau, cắt mái tole nhà sau lấn qua phần đất tranh chấp, nhổ trụ đá, đốn 01 cây dừa để giao trả cho ông C, bà H phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 11,4m² (ký hiệu 70A, 70B, 70C) thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn Lương Thị H cắt mái tole nhà trước, di dời dây điện để trả không gian trên đất đo đạc thực tế thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237B), tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lương Thị H về việc yêu cầu buộc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H phải trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 8,4m² thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237B), tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (phần đất giáp với huyện lộ 21).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, yêu cầu Tòa án cấp Pc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà không đồng ý trả cho bà H phần đất có diện tích 8,4m² thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237B), tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre vì bà cho rằng

phần đất này là nằm trong thửa đất của gia đình bà và gia đình bà đang quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Lương Thị H trình bày:

Việc chuyển nhượng đất giữa bà với bà H thì bà H và các con của bà H đều có ký tên nhận tiền. Khi nhận chuyển nhượng thì bà H là người chỉ đo và cắm trụ nên theo đó mà bà quản lý, sử dụng. Do chưa sử dụng hết diện tích đất đã mua của bà H có chiều ngang 6m nên bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bà, buộc nguyên đơn phải trả cho bà phần đất có diện tích 8,4m² thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237B), tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm do bà không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Lương Thị H phần đất có diện tích 8,4m² thuộc thửa 237B, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Xét thấy, vào năm 2009, ông C, bà H đã chuyển nhượng phần đất có diện tích 343,2m² cho bà Lương Thị H, mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ gia đình ông C nhưng các thành viên trong hộ đều thống nhất đây là tài sản của ông C được cha mẹ tặng cho nên ông C, bà H được quyền chuyển nhượng là đúng quy định pháp luật. Ngày 06/02/2009, Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 237, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã P, huyện P, có diện tích 343m² đất cho bà H. Theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 06/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P thì phần đất tranh chấp vẫn còn nằm trong thửa đất 237, tờ bản đồ 7 của bà Lương Thị H. Theo diện tích đất thực tế bà H đang quản lý, sử dụng và theo ranh địa chính thì thửa 237 gồm các thửa có ký hiệu 237: 98,7m², thửa 237A: 0,4m², thửa 237C: 228,9m², thửa 237D: 6,4m², có tổng diện tích là 334,4m², nếu cộng thêm phần diện tích đất tranh chấp là 8,4m² thì diện tích là 342,8m² vẫn chưa đủ so với diện tích đất mà bà H được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn diện tích thửa đất 70, tờ bản đồ số 7 của nguyên đơn sau khi bà H đồng ý trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 11,4m² thuộc thửa 70A, 70B và 70C thì tổng diện tích thửa 70, tờ bản đồ số 7 của nguyên đơn là 1.245,7m² (chỉ chênh lệch 0,1m² so với diện tích đất đã được đo đạc chính quy của thửa 70 là 1.245,8m²). Do đó, việc nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp là thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 7 là không có căn cứ.

[2] Theo Biên bản định giá tài sản ngày 04/5/2022 thì trên phần đất tranh chấp ký hiệu 237B, tờ bản đồ số 7 có một phần mái che nhà trước của bà H. Trong quá

trình giải quyết vụ án, các bên cũng thừa nhận hiện ông C, bà H là người đang quản lý, sử dụng phần đất này nhưng tài sản trên đất là của bà H. Bà H kháng cáo cho rằng trên phần đất tranh chấp này có cái giếng do gia đình bà đào và sử dụng trên 10 năm nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H, buộc ông C, bà H phải trả lại phần đất tranh chấp có ký hiệu 237B, tờ bản đồ số 7, diện tích 8,4m² là phù hợp quy định pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ vào Điều 26, 34, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 167, 170, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn Lương Thị H về việc yêu cầu buộc bà Lương Thị H phải phá dỡ hàng rào B40, bức tường nhà sau, cắt mái tole nhà sau lún qua đất, nhổ trụ đá, đốn 01 cây dừa lún qua đất của ông C, bà H, đo đạc thực tế có diện tích 11,4m² (ký hiệu 70A, 70B, 70C) thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ghi nhận việc bị đơn Lương Thị H tự nguyện tháo dỡ, di dời hàng rào B40, bức tường nhà sau, cắt mái tole nhà sau lún qua phần đất tranh chấp, nhổ trụ đá, đốn 01 cây dừa để giao trả cho ông C, bà H phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 11,4m² (ký hiệu 70A, 70B, 70C) thuộc một phần thửa 70, tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 70, 237, 238, tờ bản đồ số 7, xã P, huyện P ngày 06/6/2022 kèm theo).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bị đơn Lương Thị H cắt mái tole nhà trước, di dời dây điện để trả không gian trên đất đo đạc thực tế thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237B), tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lương Thị H về việc yêu cầu buộc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị H phải trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 8,4m² thuộc một phần thửa 237 (ký hiệu 237B), tờ bản đồ 7, tọa lạc xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre (phần đất giáp với huyện lộ 21).

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa số 70, 237, 238, tờ bản đồ số 7, xã P, huyện P ngày 06/6/2022 kèm theo).

4. Chi phí tố tụng: Bà H tự nguyện nộp 3.007.000đ (Ba triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng) và đã nộp xong.

5. Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

+ Bà Lương Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004466 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện P (1b);
- Chi cục THADS huyện P (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt